

Medium

MODULO PURE S3S VLTG

MDLOPUVELO

Giày an toàn Velcro thấp dễ v ệ **sinh và không** chứa **kim** g thấm **và** đế **ngoài có** độ **bám** cự c **cao Tiger Grip**

chày ên ngày và kim l ộ c ổ thấp dễ v ệ Tiger Grip , Lorica và Velcro m bảng và độ b ề n vượt trội n g nhận an toàn ESD.

Những vật liệu cao cấp hơn	Lorica
lót bên trong	i 3D tái chế (100% tái chế)
trong Đ	ệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)
iữa đế g	ệt chống thủ ng
ngoài Đ	Cao su (NBR), BASF PU
u Đứng đầ	Nanocarbon
i Loạ	S3S / SR, FO, HI, HRO, CI, ESD
Phạm vi kích thước	EU 35-48 / UK 3.0-13.0 / US 3.0-13.5 JPN 21.5-31.5 / KOR 230-315
ng lượng thép	0.590 kg
ẩn hiêu chu	EN ISO 20345:2022+A1:2024 ASTM F2413:2024





BLK



WHT



(SR) ợ n t Chống t ướ d ầy SR (S R E H R C SR có nghĩa là phép thử ượ c thực hiện trên đế ngoài và phòng và dầ ể cả bề mặt đế ngoài



Tiger Grip công nghệ i công ngoại Tiger Grip năng, thiết kế mòn và và khô ướ t. Chúng được làm từ hợp chất cao su và có các hoa văn cũng như đường rãnh cụ thể để bám và độ ổn định.



ẩn **chay** thu ử dụng hoặc an toàn bất kỳ Không sử dụng bất kỳ vật

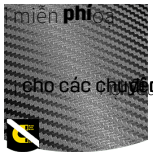


Mũi giày an toàn bằng **nano-carbon**

Vật liệu công nghệ cao siêu nhẹ, không kim l



X ESD cung cấp khả năng xả năng lượng tĩnh điện có kiểm soát có thể làm hỏng các bộ phận điện tử và ngăn chặn tia lửa do tích điện. 00 KiloOhm và 100 MegaOhm.



miễn **phí** oà n thuận tiện cho các chuyến đi ngắn ngày.

Kim l Giày an toàn không có giày an toàn thông thường. Chúng cũng

SAFETY JOGGER WORKS

HEAD-TO-TOE PROTECTION

ENGINEERED IN EUROPE

www.safetyjogger.com

Công nghiệp **n:**
phục vụ ăn uố n g, Hoá h oạc h , Làm sạch cụ thể m & g thuộ c v ề y h ọ c

ường: **Môi** t
Bề mặt cự c mịn , b ề mặt trơn ướt, môi trường ẩm ướt

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằng phương pháp phù hợp. Không sử dụng

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20345**	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
Nhữ n g vật l iệu **Lorica** **cao** cấp h ơn						
	Top: khả năng thấm hút ẩm ướt	? 0.8		1.80	ời	mg/cm/g
	Top: hi nụ số ẩm ướt	? 15		17		mg/cm2
ót bên trong	i **3D tái** ch ế **(100% tái** ch ế)					
	L ớp **lót:** thấm hút ẩm ướt	? 2		18.2	ời	mg/cm/g
	lót: hi nụ số ẩm ướt	? 20		146.8		mg/cm2
rong	Đ ệ m **chân SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)					
	ệ m chân Đ ch ố n g mài mòn (khô/ ướt) (chu kỳ)	25600/12800		Dry 25600 cycles/Wet 12800 cycles		chu kỳ
goài	Đ **Cao su (NBR), BASF PU**					
	Ch ố n g trượt **mài mòn** ế **ngoài** (	? 150		124		mm
	Chư ố ợt trơ gót bản - Ceramic + NaLS - Trư ợt **gót** v ề **phía** t	? 0.31		0.38		ma sát
	rư Cợt có ớt bản - G ố m + NaLS - Trư ợt **lùi** v ề **phía** t	? 0.36		0.45		ma sát
	rư Cợt SR - G ố m + Glycerin - Trư ợt **gót** phía t	? 0.19		0.23		ma sát
	Chư ố ợt trơ SR - G ố m + Glycerin - Trư ợt **gót** phía t	? 0.22		0.26		ma sát
	ị ch ố Giá t tĩnh điệ n	0.1 - 1000		57.1		megaohm
	ị ESD Giá t	0.1 - 100		69		megaohm
	Hấp thụ năng l ợ **gót** chân củ	? 20		32		J
Đ ứ n g đầ	**Nanocarbon**					
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	N/A		N/A		mm
	Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A		N/A		mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	? 14		17.0		mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	? 14		23.0		mm

kích thước thép: 42

a chúng tôi Giày bảo hộ có thể thay thế nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh thái:

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
i **CO#hát** thả					
	V ật l iệu		5.87		kg
	Bao bì		0.19		kg
	ất Sản x u		1.90		kg
	Chuyên ch ở		0.26		kg
			8.21 kg CO2/ cặp		

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	K u	q
ệ vật l Tiệ ỷ **tái** ch ế				
	Product		10%	
	Bao bì		16%	

Tính toán CO2:
ị được làm tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán trực tuyến và có thể thay đổi.